

Hoàn thiện qui định về đầu tư vốn cho các công ty bảo hiểm nhân thọ Việt Nam trong giai đoạn hội nhập WTO

Thạc sĩ HỒ THỦY TIỀN

Do xuất phát từ đặc thù "Đào ngược chu trình sản xuất" – phí bảo hiểm (giá bán) được thu trước, chỉ trả tiền khi xảy ra các biến cố sống hay tử vong (giá thành) sau – điều này đã tạo điều kiện cho các công ty bảo hiểm nhân thọ (BHINT) nắm giữ một quỹ tiền tệ rất lớn nhưng tạm thời nhàn rỗi. Luật pháp đã cho phép các công ty BHINT sử dụng quỹ tạm thời nhàn rỗi này tiến hành các hoạt động đầu tư.

Một lý do khác không kém phần quan trọng để các công ty BHINT tiến hành các hoạt động đầu tư, vì khi định phí sản phẩm, công ty BHINT đã cho khách hàng hưởng trước một mức lãi suất nhất định, chính là lãi suất kỹ thuật (được phân tích trong bài Một số vấn đề về qui định trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ ở VN, tạp chí *Phát triển kinh tế* số 183 của cùng tác giả). Vì vậy, sau khi thu phí, công ty BHINT phải đưa số phí thu được vào đầu tư ngay với lãi suất đầu tư thực tế tối thiểu phải bằng với lãi suất kỹ thuật thì các công ty BHINT mới đủ khả năng chi trả cho khách hàng trong tương lai. Cho nên, hoạt động đầu tư là hoạt động sống còn của các công ty BHINT và hơn nữa hoạt động này phải an toàn và mang lại hiệu quả để vừa đảm bảo chi trả cho khách hàng vừa trang trải cho các chi phí khá lớn của các công ty BHINT.

Kết quả từ hoạt động đầu tư của các công ty BHINT trong thời gian qua có thể tổng hợp qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu ngành bảo hiểm nhân thọ VN

Chỉ tiêu	2003	2004	2005
1. Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	4.609,55	16,383	21.806
2. Cơ cấu đầu tư (tỷ đồng)			
- Tiền gửi, TPCP	4.492,37	15,709	19,563
- CP, TP doanh nghiệp	16,44	245,4	731
- BĐS, cho vay, ủy thác đầu tư	70,44	428,6	1.513
3. Hiệu suất đầu tư tài sản (%)	5,79	4,12	4,89

Ta thấy qui mô vốn đầu tư ngành BHINT VN tăng lên rất nhanh nhưng cơ cấu đầu tư còn đơn điệu, hơn 90% vốn

đầu tư vào tiền gửi và TPCP. Với cơ cấu đầu tư như trên đã đảm bảo được nguyên tắc an toàn nhưng cái giá phải trả là hiệu quả đầu tư quá thấp, trung bình chưa đến 4,5%/năm trong khi đó lãi suất TPCP trong cùng thời gian này trung bình là 8,2%/năm. Điều này đã lý giải tại sao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm BHINT VN kém hơn so với các sản phẩm tài chính khác trên thị trường. Có nhiều nguyên nhân tác động làm giảm hiệu quả đầu tư của ngành BHINT VN, ở đây tác giả chỉ phân tích nguyên nhân xuất phát từ những qui định về hoạt động đầu tư của Nghị định 43.

Ở VN, Nghị định 43/2001/NĐ-CP đã đưa ra các quy định khung về nguồn vốn đầu tư, danh mục tài sản đầu tư, giới hạn lãnh thổ và nguyên tắc đầu tư của các công ty bảo hiểm nhân thọ cụ thể như sau:

- Về nguyên tắc đầu tư: Việc đầu tư của công ty bảo hiểm phải đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu chi trả thường xuyên cho các cam kết theo hợp đồng bảo hiểm

- Về nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư của công ty BHINT bao gồm:

- Vốn điều lệ; - Quỹ dự trữ bắt buộc; - Quỹ dự trữ tự nguyện; - Các khoản lãi của những năm trước chưa sử dụng và các quỹ được sử dụng để đầu tư được hình thành từ lợi nhuận để lại doanh nghiệp; - Nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, trong đó nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của công ty BHINT là tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trừ đi khoản tiền dùng để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ. Khoản tiền này không thấp hơn 5% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và được gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại VN.

- Về danh mục đầu tư, giới hạn lãnh thổ đầu tư: Đầu tư vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của công ty bảo hiểm nhân thọ chỉ được đầu tư ở VN trong các lĩnh vực sau đây:

- Mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế

- Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn các doanh nghiệp khác tối đa 50% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

- Kinh doanh bất động sản, cho vay, ủy thác đầu tư qua các tổ chức tài chính - tín dụng tối đa 40% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Lĩnh vực đầu tư của công ty BHINT được quy định khá rộng nhưng còn một số quy định chưa phù hợp với thực tế đầu tư của các công ty bảo hiểm nhân thọ đang trong quá trình phát triển và hội nhập vào ngành bảo hiểm nhân thọ thế giới.

- Về giới hạn nguồn vốn:

Việc quy định duy trì một tỷ lệ tiền mặt lớn (tối thiểu 5% của tổng dự phòng nghiệp vụ) sinh lãi thấp đối với các công ty bảo hiểm sẽ là một áp lực lớn cho việc đầu

tư ngân quỹ để thu lợi nhuận tối đa. Luật pháp của một số nước trên thế giới ngược lại với quy định của VN, tức là giới hạn tối đa được đầu tư vào tiền mặt. Chẳng hạn ở Pháp trước đây các Công ty bảo hiểm chỉ được đầu tư tối đa 15% quỹ dự phòng vào tiền mặt.

• Về giới hạn lãnh thổ đầu tư:

Theo quy định hiện hành, chỉ riêng các khoản đầu tư từ vốn nhân rồi của các công ty BHNT hoạt động ở VN chỉ được đầu tư trong phạm vi lãnh thổ VN. Quy định này được đưa ra trước đây là hợp lý khi VN chưa hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và hơn nữa, VN cũng cần giữ lại số vốn này để đầu tư phát triển kinh tế. Tuy nhiên, quy định này đã hạn chế khả năng của các công ty bảo hiểm tìm kiếm cơ hội đầu tư khác tốt hơn từ thị trường vốn quốc tế. Đặc biệt, trong giai đoạn sắp tới, Chính phủ sẽ tiến hành kết nối với thị trường chứng khoán VN với thị trường chứng khoán Singapore, điều này có nghĩa là các cổ phiếu của các công ty nước ngoài được niêm yết trên thị trường chứng khoán VN và ngược lại, cổ phiếu của các công ty VN được niêm yết trên thị trường chứng khoán Singapore. Theo quy định hiện hành, đầu tư từ quỹ dự phòng của các công ty BHNT VN chỉ tiến hành ở VN, nghĩa là chỉ được đầu tư vào cổ phiếu của các công ty VN. Điều này là trái với thông lệ đầu tư quốc tế.

• Về tỷ lệ đầu tư vốn tối đa vào các danh mục:

+ Việc quy định không hạn chế tiền gửi tại các tổ chức tín dụng tương tự danh mục trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh là khá mạo hiểm, nếu công ty bảo hiểm gửi toàn bộ tiền gửi của mình vào một ngân hàng thì khó có thể đảm bảo nguyên tắc an toàn đã được luật hóa.

+ Chưa thấy quy định tỷ lệ đầu tư vốn tối đa vào một tài sản cụ thể để đảm bảo nguyên tắc "không đặt chung các quả trứng vào một giỏ", chẳng hạn không được đầu tư quá 5% dự phòng nghiệp vụ vào một cổ phiếu của cùng một tổ chức phát hành, vào một bất động sản cụ thể.

+ Chưa có văn bản hướng dẫn đối với hoạt động cho vay của các công ty bảo hiểm nhân thọ. Luật các tổ chức tín dụng được ban hành nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, trong đó có các công ty bảo hiểm. Điều này buộc các công ty bảo hiểm phải thực hiện hình thức cho vay ủy thác - tức là phải thông qua một ngân hàng trung gian, nên mất nhiều thời gian và chi phí, làm giảm hiệu quả cho vay.

• Về chính sách quản lý ngoại hối đối với các công ty bảo hiểm nhân thọ có vốn đầu tư nước ngoài:

Các công ty BHNT nước ngoài phải góp vốn tối thiểu 10 triệu USD và trích ra 500.000 USD gửi vào NHTM làm ký quỹ bắt buộc. Trong những năm đầu hoạt động, một lượng lớn ngoại tệ được các công ty bán ra để trang trải các chi phí ban đầu, phần còn lại được hưởng lãi suất trần

theo quy định của NIINN. Chính sách quản lý ngoại hối chặt chẽ của NHNN đã gây thiệt hại cho các công ty này. Lãi suất trần 0,8%/năm vào năm 2000 và hiện nay là 1,5%/năm (theo văn bản 1247/2005/QĐ-NHNN) cho tiền gửi USD cho các pháp nhân đã tạo ra một lãi suất thực âm do mức lạm phát của Mỹ hàng năm cao hơn 2%. Hơn 5 năm qua, các NHTM được hưởng lợi lớn từ chênh lệch lãi suất thị trường và lãi suất trần.

Trên cơ sở phân tích những bất hợp lý và thiếu sót trong những quy định hiện hành cho hoạt động đầu tư của các công ty BHNT, tác giả đã đưa ra hướng hoàn thiện được tổng hợp qua bảng sau đây:

Bảng 2. Quy định đầu tư bảo hiểm nhân thọ VN hiện hành và các kiến nghị sửa đổi

Nguồn vốn đầu tư	Quy định hiện hành *	Đề nghị bổ sung, sửa đổi
Vốn điều lệ, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ dự trữ tự nguyện, các khoản lãi của những năm trước chưa sử dụng và các quỹ dùng để đầu tư hình thành từ lợi nhuận để lại của doanh nghiệp	Không hạn chế	- Không hạn chế - Xem xét bãi bỏ về lãi suất trần tiền gửi USD
Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ	Chỉ được phép đầu tư ở VN và phải tuân thủ những hạn chế về tỷ lệ	- Trước mắt: Được phép đầu tư ở VN và phải tuân thủ những hạn chế về tỷ lệ. - Sau khi kết nối TTCK: bãi bỏ một phần giới hạn đầu tư về lãnh thổ.
Mua trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng	Không hạn chế	Không hạn chế về tỷ lệ trong chung nhưng không được vượt quá 20% tổng giá trị quỹ dự phòng tại mỗi tổ chức tín dụng
Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Tối đa 50%	Tối đa 50% nhưng không được vượt quá 10% tổng giá trị dự phòng vào một loại chứng khoán được niêm yết do một tổ chức phát hành
Kinh doanh bất động sản, cho vay, ủy thác đầu tư qua các tổ chức tài chính, tín dụng	Tối đa 40%	- Kinh doanh bất động sản: mỗi bất động sản không quá 10% tổng giá trị dự phòng. - Cho vay chủ hợp đồng nhân thọ: không hạn chế - Ban hành ngay quy định về hoạt động cho vay của các định chế tài chính phi ngân hàng.

(* Nguồn: Luật kinh doanh bảo hiểm và văn bản hướng dẫn thi hành)

Tóm lại, để ngành BHNT VN thực sự là một kênh huy động vốn dài hạn cho phát triển kinh tế đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm BHNT khi hội nhập WTO, Cơ quan quản lý cần tạo điều kiện để các công ty BHNT VN nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư. Muốn vậy, việc hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động đầu tư là cấp thiết, đồng thời hạn chế được rủi ro phát sinh trong quá trình đầu tư ■